BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Mã ngành: 7810103

(Ban hành theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội – 2026

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường 2
2.1. Sứ mạng 2
2.2. Tầm nhìn phát triển 2
2.3. Giá trị cốt lõi 2
2.4. Triết lý giáo dục 2
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo 2
3.1. Mục tiêu chung 2
3.2. Mục tiêu cụ thể: 2
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 3
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ 6
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 6
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường 6
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo 7
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 7
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam 8
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 9
7.1 Thông tin tuyển sinh 9
7.2. Điều kiện tốt nghiệp 10
8. Chiến lược giảng dạy và học tập 10
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 13
9.1. Các hình thức đánh giá 13
9.2 Điểm đánh giá học phần 15
9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 16
9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs) 20
10. Cấu trúc chương trình đào tạo 21
10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 21
10.2. Nội dung chương trình đào tạo 21
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 31

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 33
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo 43
13. Mô tả tóm tắt học phần 45
14. Hướng dẫn thực hiện 71
14.1. Nguyên tắc chung 71
14.2. Kế hoạch đào tạo 71
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo 72

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng và ban hành lần đầu tiên vào năm 2020 và được điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần vào các năm 2022, 2024. Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước, được xây dựng trên các giáo trình về Du lịch và Khách sạn từ các trường đại học trong nước và quốc tế. Bên cạnh những kiến thức giáo dục đại cương, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ được đào tạo chuyên sâu để có những kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực Du lịch và Khách sạn.

Chương trình Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2025.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về "Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học". Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Ngành đào tạo:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
5. Mã ngành:	7810103
6. Thời gian đào tạo	4 năm

7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Ngôn ngữ giảng dạy:	Tiếng Việt
9. Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
10. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
11. Website	https://khoadlks.uneti.edu.vn/
12. Khoa Quản lý CTĐT	Khoa Du lịch và Khách sạn
13. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

"Học tập để kiến tạo tương lai"

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch và tạo nền tảng cho học tập chuyên sâu.	**3**
		PI 2.1 Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch làm nền tảng cho các quyết định quản lý và phát triển du lịch.	3
3	**PLO3**	Áp dụng kiến thức chung về du lịch và quản trị dịch vụ để thực hiện các nhiệm vụ trong doanh nghiệp lữ hành.	**3**
		PI 3.1 Áp dụng kiến thức về tài nguyên – văn hóa – điểm đến để đánh giá khả năng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch.	3
		PI 3.2 Áp dụng kiến thức quản trị – kinh doanh – lữ hành trong tổ chức và vận hành hoạt động du lịch.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo:Hướng dẫn viên du lịch (modul 1)**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Phân tích và đánh giá thị trường, hành vi khách, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch	
		PI 4.1.01 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.01 Thuyết minh sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.01 Áp dụng phân tích dữ liệu vào cải tiến chất lượng vận hành sản phẩm du lịch.	3
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (modul 2)** Phân tích và đánh giá thị trường, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch	**4**
		PI 4.1.02 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.02 Thiết kế sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.02 Áp dụng phân tích dữ liệu vào thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM, tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI trong công việc.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch và lữ hành.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn.**	**3**
		PL8.1. Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ cốt lõi (hướng dẫn du lịch, điều hành tour, bán tour..) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP).	3
		PL8.2. **Vận dụng** các quy trình quản lý tiêu chuẩn để giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành.	3
9	**PLO9**	**Xử lý tình huống liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh, phục vụ khách du lịch**	**3**
		PI 9.1 Tư vấn và thiết kế các chương trình tour phù hợp với khách hàng, với nhu cầu thực tế	3
		PI 9.2 Xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách du lịch	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng đào tạo: Hướng dẫn viên du lịch (module 1)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ của hướng dẫn du lịch liên quan đến quá trình phục vụ khách du lịch trong chương trình tham quan, du lịch.**	**4**
		PI 10.1.01 Xây dựng các phương án tổ chức, thuyết minh và phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện chương trình du lịch.	3
		PI 10.2.01 Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, thuyết minh, điều phối đoàn và xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	4
	PLO10.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (module 2)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ thiết kế và điều hành liên quan đến quá trình xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch tại các công ty du lịch và lữ hành**	**4**
		PI 10.1.02 Tư vấn, thiết kế và xây dựng các chương trình, tuyến điểm và sản phẩm du lịch phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu.	3
		PI 10.2.02 Vận dụng được các kỹ năng phân tích thị trường, xây dựng ý tưởng sản phẩm, tính giá chương trình và xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch.	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và lữ hành**	**3**
		PI11.1. Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2. Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2. Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch.
- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lữ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.
- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.
- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.
- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành – Trường Kinh doanh- Đại học Kinh tế quốc dân
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành – Trường Du lịch – Đại học Huế
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành – Trường Đại học Thương mại

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ								x	x	x		

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững.												
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2 Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng	

	trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

Bảng 3 Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung TĐQG / Chuẩn đầu ra	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		x	x												
PLO2	x	x													
PLO3	x			x	x										
PLO4	x	x	x	x	x										
PLO5							x	x	x	x					
PLO6			x			x									
PLO7											x				
PLO8				x		x				x		x	x		x
PLO9						x								x	x
PLO10													x	x	
PLO11														x	
PLO12		x						x				x			

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh)

+ Đối tượng tuyển sinh:

a. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b. Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo;
- Ngành sư phạm Công nghệ chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05 các ngành còn lại từ 01 đến 15.

c. Nguồn tuyển: Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026; Không áp dụng đối với thí sinh thuộc diện đặc cách xét tốt nghiệp THPT.

+ Phương thức tuyển sinh:

05 phương thức tuyển sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng:

Nhà trường xét tuyển thẳng đối với những thí sinh thuộc các đối tượng được quy định cụ thể tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Phương thức 2: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026:

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và có đăng ký sử dụng kết quả để xét tuyển đại học;
- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt từ 6,00 điểm trở lên.

Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT:

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Đạt ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Nhà Trường quy định.
- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh điểm tổng kết các học kỳ xét tuyển môn Tiếng Anh đạt 7.00 điểm trở lên.

Phương thức 4*: *Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh có kết quả thi kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức trong thời gian không quá 2 năm ;
- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;

Phương thức 5: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh tham dự thi kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức;
- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được trường xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên
- Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học, thực hành nghề theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm
- Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục thể thao.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau**:**

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch. - Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng để SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học) - Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thẻ bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	- GV đưa ra thảo luận - SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các SV ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp - GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề	
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Tự học (Selfstudying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học - Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm - Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng - Làm bài tập về nhà	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)	- GV hướng dẫn về nội dung các bài thực hành - SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát kết quả và phân tích kết quả	PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Dạy học qua tình huống (Case study)	- Đưa ra tình huống thực tế tại các doanh nghiệp/cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm	PLO5 PLO6 PLO7 PLO8

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập) - Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO9 PLO10

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

Chiến lược và phương pháp dạy học			Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
	Chiến lược	Phương pháp dạy học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)												
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Tự học (Selfstudying)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)					X	X	X	X	X	X		
		Dạy học qua tình huống (Case study)			X	X	X	X	X	X	X	X		
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)			X	X	X	X	X	X	X	X		
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)					X	X	X	X	X			

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Khoa Du lịch và khách sạn, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế

để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần…). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đồ án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
A	**Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)**	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	*Mô tả phương pháp*: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	*Mô tả phương pháp*: người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	*Mô tả phương pháp*: Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric1.
B	**Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)**	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	*Mô tả phương pháp:* Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	*Mô tả phương pháp:* Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án

		được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	*Mô tả phương pháp*: Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được được đánh gia thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án (Written Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric2, 3,4,5.
8	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5, 6.
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	*Mô tả phương* pháp: Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 7,8.

9.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

3. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

4. Điểm học phần được tính như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

5. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A	(8,5 - 10)	Giỏi
	B^+	(7,8 - 8,4)	Khá Giỏi
	B	(7,0 - 7,7)	Khá
	C^+	(6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
	C	(5,5 - 6,2)	Trung bình
	D^+	(4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
	D	(4,0 - 4,7)	Yếu
b) Loại không đạt:	F^+	(3,0 - 3,9)	Kém
	F	(0,0 - 2,9)	Rất Kém

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (cá nhân)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể

		lôi cuốn, thuyết phục	cuốn, lập luận khá thuyết phục	được các nội dung quan trọng	hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi

Rubric 3. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng	Không trả lời được đa số câu

		lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 4: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 5: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

Rubric 6. Đánh giá Báo cáo thực tập

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý

Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 7: Đánh giá PROJECT

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Thái độ tham gia	Nêu ý tưởng	05	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng
	Lập kế hoạch thực hiện	05	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý
Quá trình thực hiện project	Giai đoạn chuẩn bị	10	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	Không chuẩn bị được điều kiện nào
	Giai đoạn thực hiện	10	Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp	Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa

		10	Triển khai đúng kế hoạch	Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được
	Mức độ đạt được mục tiêu thành phần	20	Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)			
Báo cáo kết quả	Nội dung báo cáo	10	- Báo cáo tiến trình thực hiện - Thuyết minh sản phẩm - Bài học rút ra			
	Trình bày báo cáo	10	Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình			
	Sản phẩm	20	Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết			

Rubric 8. Đánh giá Báo cáo Khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Nội dung báo cáo		90	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chặt chẽ, logic	Trình bày khá rõ ràng, khá đầy đủ, khá trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận khá chặt chẽ, khá logic	Trình bày tương đối rõ ràng, tương đối đầy đủ, tương đối trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận tương đối chặt chẽ, tương đối logic	Trình bày chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chưa chặt chẽ, chưa logic
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 7. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	**Phương pháp đánh giá**	**Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)**										
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**
A	**Đánh giá quá trình**											
1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B	**Đánh giá tổng kết**											
4	Kiểm tra viết, tự luận	x	x	x	x	x	x	x				
5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x				
6	Bảo vệ và thi vấn đáp											
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án				x	x	x	x	x	x	x	x
8	Đánh giá báo cáo thực tập				x	x	x	x	x	x	x	x
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x
10	Đánh giá Project				x	x	x	x	x	x	x	x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *60 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *29 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

10.2.1 Áp dụng cho khóa 18:

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
002967	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
	Chọn 2 trong các học phần				
002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	*2*	(26, 8, 60)	x
002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x

001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	*KHUD*	1	(15, 0, 30)	
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý du lịch		**24**		
	Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	1.Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
	Kiến thức tự chọn		***8***		
001109	1. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	2.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	
002003	6. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**32**		
001974	1. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x

003237	4. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002688	5. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
001958	6. Kiến tập tour	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002477	7. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002687	8. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002689	9. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003211	10. Thực tập lữ hành 1	DL&KS	3	*(0,180,0)*	x
003212	11. Thực tập lữ hành 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003213	12. Thực tập lữ hành 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003214	13. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	2	(0,60,60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		**6**		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		**9**		
001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001985	4. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39,12,90)	
001993	6. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
003215	7. Tuyến điểm du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
003216	8.Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002686	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001978	10. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
001995	11. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
002685	12. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		***27***		
	2.3.1. Module 1: Hướng dẫn viên du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003218	1.Thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003223	1. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	

001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4.Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành hướng dẫn du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					STEM
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		*x*
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		*x*
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		*x*
	2.3.2. Module 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003228	1.Du lịch bền vững	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003229	2.Xây dựng sản phẩm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003230	3.Thực tập lữ hành nâng cao-module 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					STEM
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		x
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		x
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		x

10.2.2 Áp dụng cho khóa 19:

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		

002967	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
	Chọn 2 trong các học phần				
002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	*2*	(26, 8, 60)	x
002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	*KHƯD*	1	(15, 0, 30)	
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý du lịch		**24**		
	Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	1.Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
	Kiến thức tự chọn		***8***		
001109	1. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	2.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	

002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	
002003	6. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**32**		
001974	1. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003237	4. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002688	5. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
001958	6. Kiến tập tour	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002477	7. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002687	8. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002689	9. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003211	10. Thực tập lữ hành 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003212	11. Thực tập lữ hành 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003213	12. Thực tập lữ hành 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003214	13. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	2	(0,60,60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		**6**		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		**9**		
001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001985	4. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39,12,90)	
001993	6. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
003215	7. Tuyến điểm du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
003216	8.Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002686	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001978	10. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
001995	11. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
002685	12. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		***27***		
	2.3.1. Module 1: Hướng dẫn viên du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003218	1.Thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x

003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003223	2. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4.Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành hướng dẫn du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		*x*
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		*x*
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		*x*
	2.3.2. Module 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003228	1.Du lịch bền vững	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003229	2.Xây dựng sản phẩm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003230	3.Thực tập lữ hành nâng cao-module 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		5		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		x
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		x
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		x

10.2.3 Áp dụng cho khóa 20:

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x

001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**3**		
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	*x*
	Chọn 1 trong các học phần				
002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	*x*
002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**6**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý du lịch		**24**		
	Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	1.Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x

001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
	Kiến thức tự chọn		***8***		
001109	1. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000666	2.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
002003	6. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**31**		
001974	1. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	***3***	(39,12,90)	x
002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003237	4. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002688	5. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
003210	6. Kiến tập tour	DL&KS	2	(0,120,0)	x
002477	7. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002687	8. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002689	9. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003211	10. Thực tập lữ hành 1	DL&KS	*3*	*(0,180,0)*	x
003212	11. Thực tập lữ hành 2	DL&KS	*3*	*(0,180,0)*	x
003213	12. Thực tập lữ hành 3	DL&KS	*3*	*(0,180,0)*	x
003214	13. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	2	(0,60,60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		**6**		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		**10**		
001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001985	4. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39,12,90)	
001993	6. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003215	7. Tuyến điểm du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
003216	8.Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
003217	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x

001978	10. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
001995	11. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	Áp dụng đến K19
002685	12. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		***27***		
	2.3.1. Module 1: Hướng dẫn viên du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003218	1.Thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4.Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành hướng dẫn du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	1. Du lịch MICE	DL&KS	9		x
003226	2. Du lịch văn hóa	DL&KS	9		x
003227	3. Du lịch sinh thái	DL&KS	9		x
	2.3.2. Module 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003228	1.Du lịch bền vững	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003229	2.Xây dựng sản phẩm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003230	3.Thực tập lữ hành nâng cao-module 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	1. Du lịch MICE	DL&KS	9		x
003226	2. Du lịch văn hóa	DL&KS	9		x
003227	3. Du lịch sinh thái	DL&KS	9		x

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		**Học kỳ 1**		**16**
1	001535	Triết học Mác-Lênin	Lý thuyết	3
2	000585	Pháp luật đại cương	Lý thuyết	2
3	002974	*Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế - xã hội*	Lý thuyết	2
4	001382	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Lý thuyết	2
5	000718	Giáo dục thể chất 1	GDTC	1
6	000564	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	2
7	000567	Nguyên lý thống kê	Lý thuyết	2
8	000493	Quản trị học	Lý thuyết	2
II		**Học kỳ 2**		**21**
1	001942	Tiếng Anh 1	Lý thuyết	4
2	000565	Kinh tế vĩ mô	Lý thuyết	2
3	002472	Quản trị dịch vụ	Lý thuyết	3
4	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	Lý thuyết	3
5	002102	Lịch sử văn minh thế giới	Lý thuyết	2
6	001983	Marketing du lịch	Lý thuyết	3
7	001958	Kiến tập tour	Thực tập	2
8	000719	Giáo dục thể chất 2	GDTC	1
9	002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	Lý thuyết	1
III		**Học kỳ 3**		**20**
1	001943	Tiếng Anh 2	Lý thuyết	4
2	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân (KHCB + Chuyên gia)	Lý thuyết	1
3	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3
4	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2
5	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1
6	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2
7	001981	Kinh tế du lịch	Lý thuyết	3
8	002006	Tin học ứng dụng trong du lịch	LT trên phòng máy tính chung	2
9	001993	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	Lý thuyết	2
IV		**Học kỳ 4**		**18**
1	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Lý thuyết	2
2	001944	Tiếng Anh 3	Lý thuyết	4
3	001974	Địa lý du lịch	Lý thuyết	3
4	002688	Hướng dẫn du lịch	Lý thuyết	2
5	002689	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	Thực hành	2
6	001998	Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến	TT trên phòng máy tính chung	2
7	002686	Kỹ năng bán hàng trong du lịch	Lý thuyết	2
8	002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Lý thuyết	1
V		**Học kỳ 5**		**20**
1	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lý thuyết	2
2	001945	Tiếng Anh 4	Lý thuyết	4
3	002167	Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	Lý thuyết	1

4	000739	Giáo dục thể chất 3	Giáo Dục Thể Chất	1
5	002004	Tiếng Anh du lịch căn bản 1	Lý thuyết	3
6	002477	Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	Thực hành	2
7	002007	Tổ chức và điều hành tour	Lý thuyết	2
8	001988	Quản trị kinh doanh lữ hành	Lý thuyết	3
9	003218	Thuyết minh du lịch-module 1	Lý thuyết	2
	003228	Du lịch bền vững- module 2	Lý thuyết	2
VI		**Học kỳ 6**		**19**
1	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết	2
2	001985	Quản lý điểm đến du lịch	Lý thuyết	3
3	002687	Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	Thực hành	2
4	003211	Thực tập lữ hành 1	Doanh nghiệp	3
5	003212	Thực tập lữ hành 2	Doanh nghiệp	3
6	003213	Thực tập lữ hành 3	Doanh nghiệp	3
7	003220	Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	Doanh nghiệp	3
	003230	Thực tập lữ hành nâng cao -module 2	Doanh nghiệp	3
VII		**Học kỳ 7**		**18**
1	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc (KHCB + Chuyên gia)	Lý thuyết	1
2	000740	Giáo dục thể chất 4	Giáo Dục Thể Chất	1
3	001987	Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	Lý thuyết	3
4	002005	Tiếng Anh du lịch căn bản 2	Lý thuyết	3
5	001982	Pháp luật du lịch	Lý thuyết	2
6	003219	Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng- module 1	Lý thuyết	3
	003229	Xây dựng sản phẩm du lịch- module 2	Lý thuyết	3
7	*002098*	Văn hóa du lịch – module 1	Lý thuyết	3
	003223	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch – module 2	Lý thuyết	3
8	003222	Thực hành thuyết minh du lịch– modul e1	Thực hành	2
	003224	Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch– module 2	Thực hành	2
VIII		**Học kỳ 8**		**16**
1	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lý thuyết	2
2	001996	Thực tập cuối khóa	Doanh nghiệp	5
3	001979	**Khóa luận tốt nghiệp**	Thực hành	**9**
3.1	003225	Du lịch MICE	Dự án	9
3.2	003226	Du lịch văn hóa	Dự án	9
3.3	003227	Du lịch sinh thái	Dự án	9
Cộng:				148

.

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT (của K20)

Modul 1: Định hướng chuyên ngành: *Hướng dẫn viên du lịch*

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																																
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A												2																
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A												2															2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2												2															2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																											2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																											2	
6	000585	Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A												2															2	
	002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC															3	2												
7	002974	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	BB	GDĐC		3,A											3	3															
8	002468	Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																											
9	001053	Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A													3													3	
10	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC																	2	2										
11	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC																	2	2										
12	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC																	3	3										
13	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC																	3	3										
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT													3	2														
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DLLH	1	BB	KTBT													2														**2,A**		
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT													2	3														
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT													2	3	2													
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																							2
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																																
19	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A																									
20	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A																									
21	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3											3,A														
22	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A																										
23	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A	2																							
24	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			4,A			4,A					3,A														
25	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN				3																								3,A	
26	002003	1. Thương mại điện tử	2	TC	CSN				3												2													

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
27	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN			3																								2	
28	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN	2				2																							
30	001109	4. Tài chính tiền tệ	3	TC	CSN			3			2																						
31	000681	5. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3			2																						
32	000531	6.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3			2																						
	002472	7. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3														3								
33	001974	1. Địa lý du lịch	3	BB	CCN					3,A			3			3																	
34	001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	3	BB	CCN						3,A	4			4									3									
35	003214	3. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	2	BB	CCN							3			3					3,A	3,A												
36	003210	4. Kiến tập tour	2	BB	CCN														3					2								**2,A**		
37	002006	5. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN							3			3					3	3,A												
38	003237	6. Tổ chức và điều hành tour	2	BB	CCN						3,A													3					3				
39	002688	7. Hướng dẫn du lịch	2	BB	CCN						3							3						3,A				3					
40	002477	8. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	2	BB	CCN														3,A						3								
41	002687	9. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	2	BB	CCN														3					3,A	3				3				
42	002689	10. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	BB	CCN													3,A						3,A				3					
43	003211	11. Thực tập lữ hành 1 (marketing trong kinh doanh du lịch)	3	BB	CCN															3					3,A	3							
44	003212	12. Thực tập lữ hành 2 (nghiệp vụ điều hành tour)	3	BB	CCN															3					3,A				3,A				
45	003213	13. Thực tập lữ hành 3 (nghiệp vụ hướng dẫn du lịch)	3	BB	CCN															3						3,A		3,A					
47	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN																	3	3										
48	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN																	3	3										
49	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN																	3	3										
50	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN																	3	3										
51	001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	KTBT						3								3						3								
52	001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	3	TC	KTBT						3														3								

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
53	001985	3. Quản lý điểm đến du lịch	3	BB	KTBT					3,A														3											
54	001986	4. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	TC	KTBT						3													3											
55	003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	TC	KTBT						3														3										
56	003215	6. Tuyến điểm du lịch	2	TC	KTBT					3														3											
57	003216	7. Lễ tân khách sạn	2	TC	KTBT					3														3		3									
58	003217	8. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	2	TC	KTBT					3														3		3									
59	001978	9. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	KTBT					3														3		3									
60	001993	10. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	KTBT					3								3									3,A								
II.3	**2.3. Kiến thức chuyên ngành**																																		
		Modul 1: Hướng dẫn viên du lịch																																	
60	003218	1.Thuyết minh du lịch	2	BB	CN								3,A															3,A							
61	003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	3	BB	CN								3,A	3																					**3,A**
62	003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -modul 1(tuyến điểm du lịch)	3	BB	CN							4,A								3								4,A							
63	003221	1.Văn hóa du lịch	3	BB	CN					3		3																							
64	003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	2	BB	CN									3,A														3,A							
65	003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	BB	CN								3															3							
66	003224	4. Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	2	BB	CN								3	3															3						
67	001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	5	BB	CN									3						3				3	3								3,A	3,A	
68	001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	9	BB	CN									3,A											3,A							3,A	3,A		
69	003225	4.1 Dự án du lịch MICE	9	BB	CN							4		3,A						3	3				3,A							3,A	3,A		
70	003226	4.2 Dự án du lịch văn hóa	9	BB	CN							4		3,A						3	3				3,A							3,A	3,A		
71	003227	4.3 Dự án du lịch sinh thái	9	BB	CN							4		3,A						3	3				3,A							3,A	3,A		

Modul 2: Định hướng chuyên ngành: *Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch*

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																																
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A												2															
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A												2														2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2												2														2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																										2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																										2	
6	000585	Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A												2														2	
	002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC															3	2												
7	002974	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	BB	GDĐC		3,A											3	3														
8	002468	Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																										
9	001053	Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A													3												3	
10	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC																	2	2										
11	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC																	2	2										
12	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC																	3	3										
13	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC																	3	3										
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT													3	2														
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DLLH	1	BB	KTBT													2													**2,A**		
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT													2	3														
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT													2	3	2													
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																							2
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																																
19	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A																									
20	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A																									
21	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3											3,A														
22	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A																										
23	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A	2																							
24	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			4,A			4,A					3,A														
25	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN				3																							3,A	
26	002003	1. Thương mại điện tử	2	TC	CSN				3												2												

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
27	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN			3																								2	
28	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN	2				2																									
30	001109	4. Tài chính tiền tệ	3	TC	CSN			3			2																								
31	000681	5. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3			2																								
32	000531	6.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3			2																								
	002472	7. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3														3										
33	001974	1. Địa lý du lịch	3	BB	CCN					3,A			3			3																			
34	001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	3	BB	CCN						3,A	4			4									3											
35	003214	3. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	2	BB	CCN							3			3					3,A	3,A														
36	003210	4. Kiến tập tour	2	BB	CCN														3					2								**2,A**			
37	002006	5. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN							3			3					3	3,A														
38	003237	6. Tổ chức và điều hành tour	2	BB	CCN						3,A													3						3					
39	002688	7. Hướng dẫn du lịch	2	BB	CCN						3							3						3,A					3						
40	002477	8. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	2	BB	CCN														3,A						3										
41	002687	9. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	2	BB	CCN														3					3,A	3				3						
42	002689	10. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	BB	CCN													3,A						3,A					3						
43	003211	11. Thực tập lữ hành 1 (marketing trong kinh doanh du lịch)	3	BB	CCN															3						3,A	3								
44	003212	12. Thực tập lữ hành 2 (nghiệp vụ điều hành tour)	3	BB	CCN															3						3,A				3,A					
45	003213	13. Thực tập lữ hành 3 (nghiệp vụ hướng dẫn du lịch)	3	BB	CCN															3							3,A		3,A						
47	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN																	3	3												
48	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN																	3	3												
49	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN																	3	3												
50	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN																	3	3												
51	001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	KTBT						3								3						3										
52	001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	3	TC	KTBT						3															3										

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																													
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
53	001985	3. Quản lý điểm đến du lịch	3	BB	KTBT					3,A														3											
54	001986	4. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	TC	KTBT						3													3											
55	003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	TC	KTBT						3														3										
56	003215	6. Tuyến điểm du lịch	2	TC	KTBT					3														3											
57	003216	7. Lễ tân khách sạn	2	TC	KTBT					3														3		3									
58	003217	8. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	2	TC	KTBT					3														3		3									
59	001978	9. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	KTBT					3														3		3									
60	001993	10. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	KTBT					3								3									3,A								
II.3	**2.3. Kiến thức chuyên ngành**																																		
		Modul 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch																																	
72	003228	1. Du lịch bền vững	2	BB	CN										3																				3,A
73	003230	2. Thực tập lữ hành nâng cao - modul 2 (tuyến điểm du lịch)	3	BB	CN										4,A					3											4,A				
74	003229	3. Xây dựng sản phẩm du lịch	3	BB	CN										3	3,A														3,A					
	003221	1.Văn hóa du lịch	3	BB	CN					3					3																				
	003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	2	BB	CN												3													3					
	003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	BB	CN											3,A														3					
	003224	4. Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	2	BB	CN											3	3,A														3,A				
	001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	5	BB	CN												3			3				3	3								3,A	3,A
	001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	9	BB	CN												3,A								3,A							3,A	3,A		
	003225	4.1 Dự án du lịch MICE	9	BB	CN										4		3,A			3	3				3,A							3,A	3,A		
	003226	4.2 Dự án du lịch văn hóa	9	BB	CN										4		3,A			3	3				3,A							3,A	3,A		
	003227	4.3 Dự án du lịch sinh thái	9	BB	CN										4		3,A			3	3				3,A							3,A	3,A		

Ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT (của K18 và K19)

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																																
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3.A												2																
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3.A												2															2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2												2															2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																											2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																											2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3.A												2															2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB																3	2													
8	002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3.A											3	3															
9	002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																											
9	001053	3. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2.A													3													3	
10	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC																	2	2											
11	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC																	2	2											
12	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC																	3	3											
13	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC																	3	3											
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT													3	2															
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DLLH	1	BB	KTBT													2														**2,A**		
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT													2	3															
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT													2	3	2														
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																								2
II		**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																																
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**																																
19	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A																										
20	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A																										
21	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3											3,A															

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																													
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)																Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
22	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A																												
23	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A	2																									
24	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			4,A			4,A					3,A																
25	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN				3																									3,A	
26	002003	1. Thương mại điện tử	2	TC	CSN				3												2														
27	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN			3																										2	
28	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN	2				2																									
29	001109	4. Tài chính tiền tệ	3	TC	CSN			3			2																								
30	000681	5. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3			2																								
31	000531	6.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3			2																								
32	002472	7. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3		3														3										
		2.2. Kiến thức ngành	###																																
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**32**																																
33	001974	1. Địa lý du lịch	3	BB	CN					3,A			3			3																			
34	001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	3	BB	CCN						3,A	4			4								3												
35	003214	3. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	2	BB	CCN							3			3					3,A	3,A														
36	003210	4. Kiến tập tour	3	BB	CCN														3				2									**2,A**			
37	002006	5. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN							3			3					3	3,A														
38	003237	6. Tổ chức và điều hành tour	2	BB	CCN						3,A												3						3						
39	002688	7. Hướng dẫn du lịch	2	BB	CCN						3							3					3,A					3							
40	002477	8. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	2	BB	CCN														3,A					3											
41	002687	9. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	2	BB	CCN														3				3,A	3					3						
42	002689	10. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	BB	CCN													3,A						3,A				3							
43	003211	11. Thực tập lữ hành 1 (marketing trong kinh doanh du lịch)	3	BB	CCN															3					3,A	3									

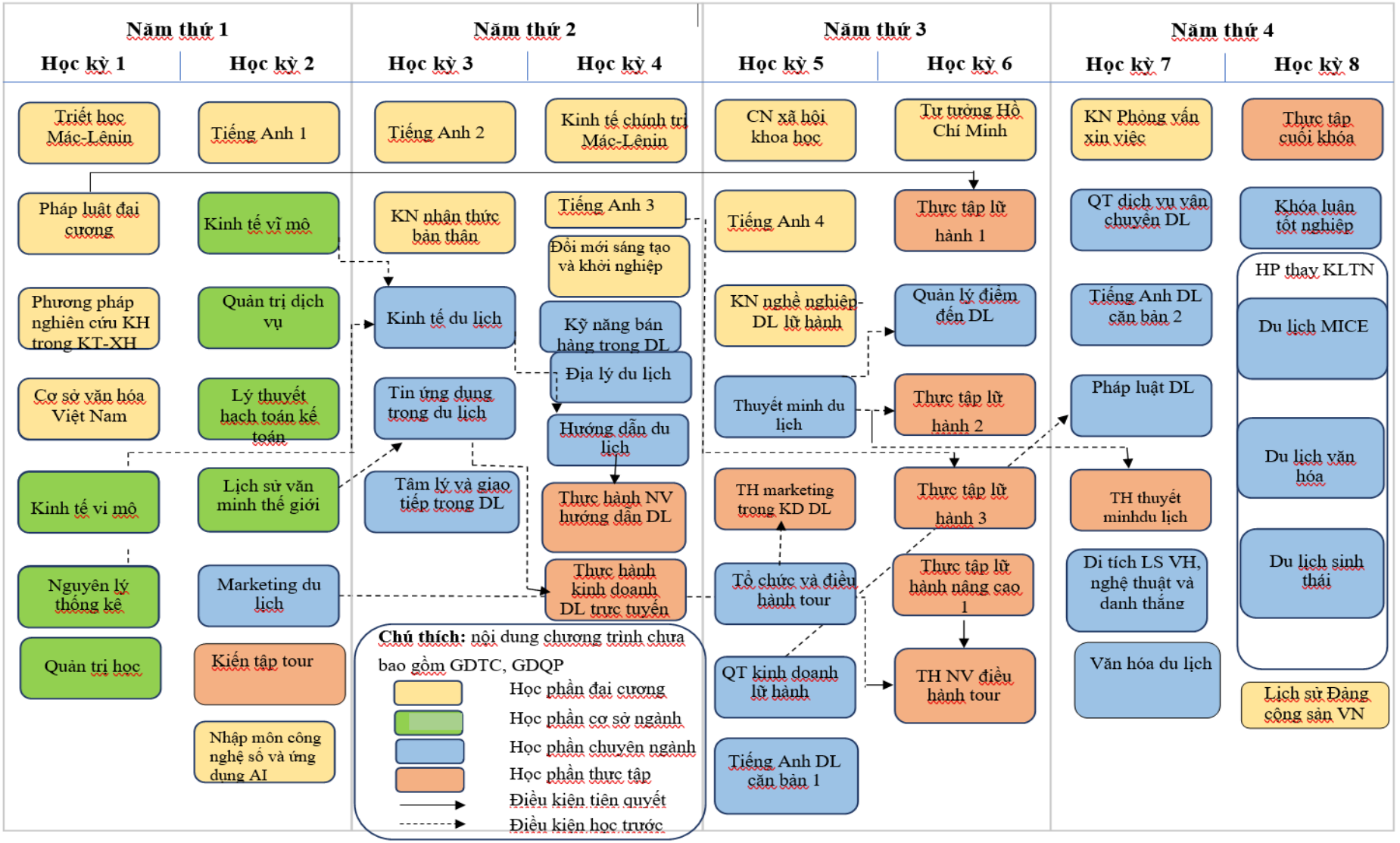
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
44	003212	12. Thực tập lữ hành 2 (nghiệp vụ điều hành tour)	3	BB	CCN															3						3,A				3,A					
45	003213	13. Thực tập lữ hành 3 (nghiệp vụ hướng dẫn du lịch)	3	BB	CCN															3							3,A		3,A						
46	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN																	3	3												
47	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN																	3	3												
48	*001545*	*3. Tiếng Trung 1*	*3*	*TC*	*NN*																	*3*	*3*												
49	*001894*	*4. Tiếng Trung 2*	*3*	*TC*	*NN*																	*3*	*3*												
50	*001989*	*1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch*	*3*	*TC*	*KTBT*				**3,A**		*3*								*3*						*3*										
51	*001987*	*2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch*	*3*	*TC*	*KTBT*						*3*															*3*										
52	001985	3. Quản lý điểm đến du lịch	3	TC	KTBT					**3,A**														3											
53	*001986*	*4. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch*	*3*	*TC*	*KTBT*						*3*													*3*											
54	*003242*	*5. Tổng quan về tổ chức sự kiện*	*3*	*TC*	*KTBT*						*3*														*3*										
55	*003215*	*6. Tuyến điểm du lịch*	*2*	*TC*	*KTBT*					*3*														*3*											
56	*003216*	*7. Lễ tân khách sạn*	*2*	*TC*	*KTBT*					*3*														*3*		*3*									
57	*003217*	*8. Kỹ năng bán hàng trong du lịch*	*3*	*TC*	*KTBT*					*3*														*3*			*3,A*								
58	*001978*	*9. Hành vi tiêu dùng trong du lịch*	*2*	*TC*	*KTBT*					*3*														*3*		*3*									
59	001993	10. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	**2**	TC	*KTBT*					3								3									3								

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II.3	**2.3. Kiến thức chuyên ngành**																																
		Modul 1: Hướng dẫn viên du lịch																															
60	003218	1.Thuyết minh du lịch	2	BB	CN								3,A														3,A							
61	003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	3	BB	CN								3,A	3																			**3,A**
62	003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -modul 1(tuyến điểm du lịch)	3	BB	CN							4,A								3								4,A						
63	003221	1.Văn hóa du lịch	3	BB	CN					3		3																						
64	003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	2	BB	CN									3,A														3,A						
65	003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	BB	CN								3														3							
66	003224	4. Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	2	BB	CN								3	3														3						
67	001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	5	BB	CN									3						3				3	3								3,A	3,A
68	001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	9	BB	CN									3,A											3,A							3,A	3,A		
69	003225	*4.1 Dự án du lịch MICE*	*9*	*BB*	*CN*							*4*		*3,A*						*3*	*3*				*3,A*							*3,A*	*3,A*		
70	003226	*4.2 Dự án du lịch văn hóa*	*9*	*BB*	*CN*							*4*		*3,A*						*3*	*3*				*3,A*							*3,A*	*3,A*		
71	003227	*4.3 Dự án du lịch sinh thái*	*9*	*BB*	*CN*							*4*		*3,A*						*3*	*3*				*3,A*							*3,A*	*3,A*		

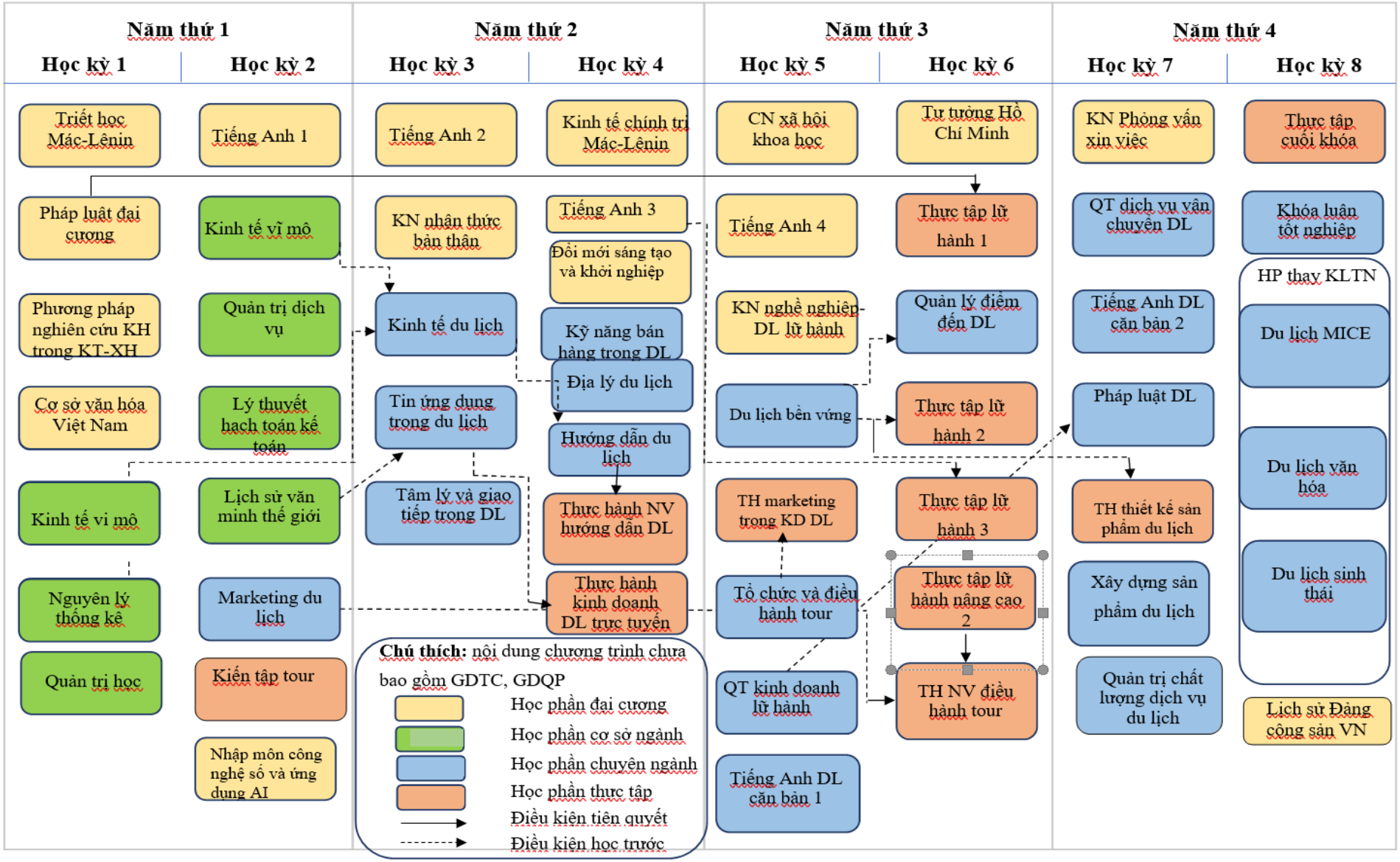
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																											
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)												Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01			PLO4.02			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.11	PI4.12	PI4.13	PI4.21	PI4.22	PI4.23	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.1	PI10.1.2	PI10.2.1	PI10.2.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II.3	**2.3. Kiến thức chuyên ngành**																																
		Modul 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch																															
72	003228	1.Du lịch bền vững	2	BB	CN										3																			3,A
73	003230	2. Thực tập lữ hành nâng cao - modul 2 (tuyến điểm du lịch)	3	BB	CN										4,A					3										4,A				
74	003229	3. Xây dựng sản phẩm du lịch	3	BB	CN										3	3,A													3,A					
75	003221	1.Văn hóa du lịch	3	BB	CN					3					3																			
76	003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	2	BB	CN												3													3					
77	003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	BB	CN											3,A													3					
78	003224	4. Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	2	BB	CN											3	3,A														3,A				
79	001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	5	BB	CN												3			3				3	3								3,A	3,A
80	001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	9	BB	CN												3,A								3,A							3,A	3,A		
81	003225	*4.1 Dự án du lịch MICE*	*9*	*BB*	*CN*										*4*		*3,A*			*3*	*3*				*3,A*							*3,A*	*3,A*		
82	003226	*4.2 Dự án du lịch văn hóa*	*9*	*BB*	*CN*										*4*		*3,A*			*3*	*3*				*3,A*							*3,A*	*3,A*		
83	003227	*4.3 Dự án du lịch sinh thái*	*9*	*BB*	*CN*										*4*		*3,A*			*3*	*3*				*3,A*							*3,A*	*3,A*		

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo

Chuyên ngành: Hướng dẫn viên du lịch



Chuyên ngành: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch



13. Mô tả tóm tắt học phần

Kiến thức giáo dục đại cương (38TC)

1. Triết học Mac-Lênin **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương
trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong
những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác -
Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam…

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo

của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3. CNXH khoa học **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,60)

- *Học phần tiên quyết*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo

cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

6. Pháp luật đại cương **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Tiếng Anh 1 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

8. Tiếng Anh 2 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

9. Tiếng Anh 3 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

10. Tiếng Anh 4 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2,3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

11. Toán ứng dụng cho ngành Du lịch& Khách sạn Số TC2

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(33,24,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Toán ứng dụng cho ngành quản trị khách sạn là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành quản trị khách sạn, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế

12. Kỹ năng nhận thức bản thân Số TC: 1

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*

Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để nhân thức bản thân theo hướng khách quan như viết nhật ký, viết ra những mục tiêu, kế hoạch ưu tiên của mình, thực hiện việc tự phê bình mỗi ngày, luyện tập những thói quen tốt và tránh những quan niệm tiêu cực,...

13. Kỹ năng nghề nghiệp – DLLH Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nghề nghiệp du lịch lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các kỹ năng nghề nghiệp cần có cho ngành du lịch lữ hành, thông qua các bài giảng và tình huống thực tế như Kỹ năng quan sát; kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng ứng biến, xử lý tình huống và kỹ năng chụp ảnh và quay phim cho khách du lịch. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp bên cạnh kiến thức về chuyên ngành giúp người học có thể phát triển khả năng ở mức tối đa, đem lại sự gắn kết giữa khách hàng và doanh nghiệp một cách hiệu quả.

14. Kỹ năng phỏng vấn xin việc **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

15. Lịch sử văn minh thế giới **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành những kiến thức khái quát về sự hình thành và phát triển của các nền văn minh lớn trên thế giới như phương Đông cổ đại, phương Tây cổ – trung đại và cận – hiện đại. Học phần giúp sinh viên hiểu được các giá trị lịch sử, văn hóa, tư tưởng và thành tựu tiêu biểu của nhân loại, làm cơ sở để nhận diện và khai thác giá trị văn minh trong hoạt động du lịch. Qua đó, sinh viên nâng cao năng lực thuyết minh, thiết kế tour và phục vụ du khách một cách chuyên nghiệp, có chiều sâu văn hóa.

16. Cơ sở văn hóa Việt Nam **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và có hệ thống về văn hóa Việt Nam. Nội dung học phần tập trung làm rõ các khái niệm cơ bản về văn hóa; những điều kiện tự nhiên, lịch sử – xã hội hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam; các đặc trưng và giá trị tiêu biểu của văn hóa Việt Nam qua các lĩnh vực như tư duy, tổ chức cộng đồng, tín ngưỡng – tôn giáo, phong tục tập quán, văn hóa vật chất và tinh thần. Thông qua học phần, người học hình thành khả năng nhận diện bản sắc văn hóa Việt Nam, vận dụng kiến thức văn hóa vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập và giao lưu văn hóa.

17. Giáo dục thể chất 1 **Số TC: 1**

- *Giáo dục thể chất 1 Số TC: 1 (0, 30, 30)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

18. Giáo dục thể chất 2 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

19. Giáo dục thể chất 3 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

20. Giáo dục thể chất 4 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phông cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

21. Giáo dục quốc phòng - HP1 3(37, 16, 0) **Số TC: 3**

22. Giáo dục quốc phòng – HP2 2(22, 16, 0)

23. Giáo dục quốc phòng – HP3 1(7, 16, 0)

24. Giáo dục quốc phòng – HP4 2(4, 56, 0)

25. Kinh tế vi mô **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*:2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

26. Kinh tế vĩ mô **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

27. Nguyên lý thống kê (26,8,60) Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*:2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, xác xuất thống kê

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Học phần trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê trong quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội.

28. Tài chính tiền tệ Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90) Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính. Đồng thời vận dụng các kiến thức lý thuyết về tài chính, tiền tệ, ngân hàng; bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, ngân sách Nhà nước, tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, cách tính giá trị thời gian của tiền. để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn.

29. Lý thuyết hạch toán kế toán Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân

đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

30. Quản trị học **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

31. Thương mại điện tử **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thương mại điện tử trong du lịch là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/ Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về thương mại thương mại điện tử như: hạ tầng thương mại điện tử, mô hình thương mại điện tử, marketing và thanh toán điện tử…

32. Pháp luật kinh tế **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*:2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Pháp luật đại cương

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Pháp luật kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, lý luận cơ bản về pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế

33. Kinh tế du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3**(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần

cung cấp những kiến thức nền tảng về kinh tế du lịch: các khái niệm cơ bản của ngành du lịch như sản phẩm du lịch, loại hình du lịch, thị trường du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch, quản lý nhà nước trong du lịch; cùng với những xu hướng phát triển du lịch hiện nay, các điều kiện và nguồn lực phát triển du lịch, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh du lịch.

34. Marketing du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế du lịch.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Marketing du lịch là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về marketing trong lĩnh vực du lịch: Các vấn đề cơ bản về marketing du lịch; Môi trường marketing; Thị trường du lịch, nghiên cứu thị trường du lịch; Các chiến lược marketing trong doanh nghiệp du lịch và vận dụng những kiến thức này trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và khách sạn.

35. Pháp luật du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3**(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết*: Pháp luật đại cương

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Pháp Luật Du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối ngành kiến thức chung của ngành. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản, có hệ thống những kiến thức về pháp luật trong hoạt động du lịch như các khái niệm, quy định về các loại hình kinh doanh du lịch, quy định để chứng nhận các điểm du lịch, tuyến du lịch, địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp du lịch, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, pháp luật về ký kết hợp đồng trong các hoạt động du lịch, các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động du lịch, xử phạt hành chính trong lĩnh vực du lịch.

36. Địa lý du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3**(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Địa lý du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và cung cấp, trang bị cho người

học những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý du lịch; Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển du lịch; Tổ chức lãnh thổ du lịch và các vùng du lịch của Việt Nam. Từ đó, người học có thể vận dụng và đưa ra những phương hướng phát triển hoạt động kinh doanh đối với từng vùng du lịch.

37. Quản trị kinh doanh lữ hành **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3**(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chung của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nền tảng về tổ chức, quản trị và vận hành hoạt động kinh doanh lữ hành trong hệ thống du lịch như: phân tích mô hình doanh nghiệp lữ hành, mối quan hệ với nhà cung cấp, xây dựng và điều hành chương trình du lịch, quản trị chi phí, chất lượng dịch vụ và đánh giá hiệu quả kinh doanh. Thông qua học phần này, sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng các nguyên lý quản trị kinh doanh lữ hành vào việc xây dựng, tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch trong những điều kiện hoạt động cụ thể của doanh nghiệp lữ hành. Đồng thời, góp phần hình thành cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu thực tiễn của hoạt động kinh doanh lữ hành.

38. Tin học ứng dụng trong du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2**(26,8,60)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tin ứng dụng trong du lịch là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tin học cần thiết để có thể khai thác thông tin du lịch và sử dụng phần mềm Excel và phần mềm chuyên ngành du lịch để trình bày các thông tin du lịch phục vụ công tác chuyên môn trong học tập và công tác sau này. Sinh viên có kỹ năng cấu hình và sử dụng phần mềm du lịch và lữ hành, thao tác thành thạo các phân hệ chính của phần mềm du lịch về lữ hành và khách sạn.

39. Tổ chức và điều hành tour **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2**(26,8,60**)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Quản trị kinh doanh lữ hành, Tuyến điểm du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tổ chức và điều hành tour là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chung của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Du lịch và Khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; thiết kế và tổ chức tour du lịch; phương pháp định giá tour du lịch; hoạt động marketing và bán tour du lịch; công tác tổ chức thực hiện và điều hành tour du lịch nhằm giúp cho người học có khả năng phát triển kiến thức cũng như kỹ năng trong tổ chức và điều hành tour tại một công ty du lịch - lữ hành.

40. Hướng dẫn du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2**(26,8,60)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chung của ngành, giúp trang bị các kiến thức về hoạt động hướng dẫn du lịch và nghề hướng dẫn viên du lịch. Bao gồm các vấn đề sau: Hướng dẫn du lịch và vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch; Những yêu cầu cơ bản đối với hướng dẫn viên du lịch; Những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; Kỹ năng giao tiếp và xử lí tình huống trong hướng dẫn du lịch.

41. Kiến tập tour **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0,120,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kiến tập tour thuộc khối kiến thức chung của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, nhằm giúp sinh viên tiếp cận thực tế hoạt động du lịch thông qua việc tham gia, quan sát và trải nghiệm các chương trình tour. Nội dung học phần tập trung vào quan sát quy trình tổ chức – điều hành tour, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, quản lý điểm đến, cơ sở lưu trú và vận chuyển khách du lịch. Thông qua kiến tập, sinh viên bước đầu hình thành nhận thức nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tác phong chuyên nghiệp và thái độ đúng đắn đối với ngành du lịch – lữ hành, tạo nền tảng cho các học phần thực hành và thực tập chuyên sâu ở các giai đoạn tiếp theo của chương trình đào tạo.

42. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 **(0,60,60)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước:* Marketing du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học

phần phần trang bị cho người học quy trình từ xây dựng, định giá sản phẩm du lịch đến triển khai các hoạt động xúc tiến bán sản phẩm du lịch. Sinh viên sẽ được thực hành chuyên sâu các kỹ năng marketing số như: sáng tạo nội dung (content), thiết kế ấn phẩm, biên tập video và chạy quảng cáo. Đồng thời, học phần chú trọng huấn luyện nghiệp vụ tư vấn bán hàng, kỹ năng đàm phán, chốt sale và chăm sóc khách hàng. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các công cụ marketing và bán hàng để giải quyết hiệu quả các yêu cầu công việc thực tiễn tại doanh nghiệp du lịch.

43. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 **(0,60,60)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước:* Tổ chức và điều hành Tour, Thực tập tuyến điểm du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành nghiệp vụ điều hành tour là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành. Học phần vận dụng những kiến thức đã học trong học phần Tổ chức và điều hành Tour. Đồng thời, tổ chức cho sinh viên thực hành những nghiệp vụ liên quan đến các công việc chính của một nhân viên điều hành tour bao gồm: nắm được những kiến thức chung về du lịch, lữ hành và công ty lữ hành; các kỹ năng tại nơi làm việc, các kiến thức về điểm đến, sản phẩm,nhà cung cấp; thiết kế Tour; tư vấn các Tour du lịch và thuyết phục khách hàng; làm việc với các nhà cung cấp; điều chỉnh và phân công trách nhiệm cho hướng dẫn viên, điều hành Tour trong suốt chuyến hành trình; làm thủ tục thanh toán và chăm sóc khách hàng sau chuyến đi.

44. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0,60,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực hành Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành. Môn học trang bị các kỹ năng của một hướng dẫn viên du lịch. Bao gồm các vấn đề sau: thuyết minh du lịch, kỹ năng phục vụ khách tại khách sạn; kỹ năng đón khách tại sân bay; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng trả lời câu hỏi của du khách kỹ năng giao tiếp và xử lí tình huống trong hướng dẫn du lịch.

45. Thực tập lữ hành 1 (Marketing trong kinh doanh du lịch) **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (0,180,0)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch, Tổ chức và điều hành tour,

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập lữ hành 1 (Marketing trong kinh doanh du lịch) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.Học phần được thiết kế theo định hướng giáo dục tích hợp STEM, giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành vào bối cảnh doanh nghiệp thực tế thông qua các hoạt động marketing du lịch, sale tour, thiết kế chương trình tour và xử lý tình huống nghề nghiệp dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở thực tập và giảng viên. Sinh viên không chỉ tham gia các hoạt động marketing số như xây dựng nội dung quảng bá tour, quản lý kênh truyền thông số, khai thác dữ liệu thị trường và sử dụng các công cụ AI hỗ trợ truyền thông du lịch, mà còn được rèn luyện năng lực phân tích dữ liệu, tối ưu hóa chi phí và lộ trình tour trên cơ sở các mô hình toán học ứng dụng, từ đó đề xuất các phương án tour khả thi và hiệu quả hơn. Qua đó sinh viên có khả năng thiết kế chương trình tour và đề xuất kế hoạch marketing cho sản phẩm du lịch trong bối cảnh thực tế của doanh nghiệp.

46. Thực tập lữ hành 2 (Nghiệp vụ điều hành tour) Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (0,180,0)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Xây dựng sản phẩm du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực tập lữ hành 2 (nghiệp vụ điều hành tour) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học trong chương trình đào tạo vào thực tiễn tại các doanh nghiệp du lịch và lữ hành dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giảng viên. Sinh viên được tìm hiểu về các tiêu chuẩn nghề trong vị trí việc làm điều hành tour, tìm hiểu các kỹ năng thiết kế chương trình du lịch, kỹ năng bán hàng, kỹ năng điều hành tour, kỹ năng chăm sóc khách hàng. Đồng thời nắm được các quy trình điều hành tour, mối quan hệ giữa nhân viên điều hành với các bộ phận, phòng ban liên quan.

47. Thực tập lữ hành 3 (Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch) Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (0,180,0)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực tập lữ hành 3 (nghiệp vụ hướng dẫn du lịch) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học trong chương trình đào tạo vào thực tiễn tại các doanh nghiệp du lịch và lữ hành dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giảng viên. Học phần tập trung vào việc vận dụng toàn diện kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản vào môi trường dẫn đoàn thực

tế trên các tuyến du lịch liên tỉnh. Điểm khác biệt của học phần này là yêu cầu cao về tính tự chủ và công nghệ: Sinh viên phải ứng dụng tư duy STEM và AI để tối ưu hóa quản trị tour, thực hiện các kỹ thuật nghiệp vụ theo tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam (VTOS), và trực tiếp giải quyết các tình huống phát sinh phức tạp.

48. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (0,60,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế du lịch, Kinh tế vi mô, Thương mại điện tử, Quản lý điểm đến du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị Khách sạn. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản cho sinh viên về kinh doanh sản phẩm du lịch trực tuyến thông qua Internet. Đồng thời, tổ chức cho sinh viên thực hiện những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh du lịch như thiết kế web, phân tích dữ liệu nhu cầu khách du lịch trực tuyến, quảng bá tour, khách sạn trên các nền tảng trực tuyến.

49. Tiếng Anh du lịch căn bản 1 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiếng anh 1, Tiếng anh 2, Tiếng anh 3, Tiếng anh 4

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiếng Anh Du lịch Căn bản 1 là học phần ngoại ngữ tự chọn thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học các ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành và Quản trị Khách sạn. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và cấu trúc câu cơ bản thường gặp trong lĩnh vực du lịch và khách sạn. Đồng thời, môn học giúp phát triển khả năng nhận diện ngôn ngữ, nâng cao sự tự tin trong giao tiếp, và rèn luyện các kỹ năng cần thiết để sử dụng tiếng Anh trong môi trường thực tiễn. Thông qua các tình huống gần gũi và thực tế, sinh viên có cơ hội củng cố và nâng cao năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả.

50. Tiếng Anh du lịch căn bản 2 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiếng anh du lịch căn bản 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiếng Anh du lịch căn bản 2 là học phần ngoại ngữ tự chọn thuộc khối kiến thức chung ngành dành cho sinh viên chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành và Quản trị khách sạn. Tiếp nối và nâng cao kiến thức nền tảng từ học phần 1, môn

học tập trung trang bị hệ thống từ vựng và cấu trúc ngôn ngữ chuyên sâu, giúp sinh viên phát triển tư duy ngôn ngữ nhạy bén. Thông qua các tình huống thực tiễn, học phần rèn luyện cho người học sự tự tin và làm chủ các kỹ năng then chốt như: thuyết trình chuyên nghiệp, đàm phán và xử lý phàn nàn hiệu quả trong môi trường dịch vụ quốc tế.

51. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và những kỹ năng để thực hành quản trị nguồn nhân lực. Sau khi học xong, sinh viên sẽ có kiến thức và các kỹ năng cơ bản để thực hiện các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng nhân viên mới, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực... Từ đó người học sẽ có khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực khác trong một tổ chức.

52. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chung của ngành, giúp cho sinh viên có kiến thức về quản lý dịch vụ vận tải trong du lịch ở Việt Nam và một số nước trên thế giới; trang bị những kiến thức về khái niệm cơ bản của dịch vụ vận tải nói chung, dịch vụ vận tải trong du lịch, kinh doanh dịch vụ vận tải du lịch, các loại hình dịch vụ vận tải, quyền sở hữu phương tiện vận tải và hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải, các dịch vụ và cơ sở vật chất trong kinh doanh vận tải, chất lượng dịch vụ vận tải như máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, ô tô.

53. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Quản trị kinh doanh lữ hành

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch là học phần lý thuyết tự chọn thuộc khối kiến thức chung ngành du lịch trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và Quản trị khách sạn. Học phần sẽ cung cấp các khái

niệm cơ bản của quản lý chiến lược trong du lịch. Ba giai đoạn của quá trình quản lý chiến lược bao gồm lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chiến lược sẽ được tập trung phân tích, với các công cụ chiến lược và kỹ thuật phù hợp để sinh viên có khả năng phân tích các tổ chức du lịch trong nước và quốc tế.

54. Quản lý điểm đến du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản lý điểm đến du lịch là học phần lý thuyết bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch, phân tích thực trạng điểm đến du lịch, xây dựng chiến lược phát triển điểm đến du lịch, định vị và xây dựng thương hiệu cho điểm đến du lịch, quản lý hoạt động marketing điểm đến du lịch, đảm bảo chất lượng trải nghiệm của du khách tại điểm đến du lịch. Trên cơ sở đó giúp cho người học có khả năng phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý một điểm đến du lịch cụ thể.

55. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tâm lý và giao tiếp trong du lịch là học phần bổ trợ tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý trong du lịch như các hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến trong du lịch, những đặc trưng tâm lý xã hội của khách du lịch, nhà cung ứng du lịch và các kỹ năng giao tiếp cần thiết để xử lý một số tình huống thực tế trong du lịch.

55. Tổ chức sự kiện **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tổ chức sự kiện là một trong những học phần thuộc nhóm học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Quản trị Khách sạn. Xuyên suốt học phần là các vấn đề: Tổng quan về học phần; lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tổ chức sự kiện; công tác chuẩn bị tổ chức một sự kiện; và tổ chức thực hiện sự kiện. Ngoài ra, học phần còn đưa các tình huống cụ thể để người học xử lý thông qua thảo luận

nhóm. Bên cạnh đó, học phần còn trình bày cách thức tổ chức 1 số loại hình sự kiện phổ biến như: Hội thảo, họp báo,… Khi kết thúc học phần, người học được yêu cầu lập kế hoạch và trình bày công tác chuẩn bị tổ chức 1 sự kiện với chủ đề người học tự chọn thông qua hình thức làm bài tập lớn

55. Tuyến điểm du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tuyến điểm du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Học phần cung cấp kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến-điểm du lịch của Việt Nam ,phân tích hiện trạng của tuyến du lịch về điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch, các sản phẩm du lịch và những điểm du lịch chủ yếu của tuyến để xây dựng một tuyến điểm du lịch; Từ đó sinh viên có thể đề xuất những phương án thiết kế và tổ chức tour du lịch; thuyết minh du lịch tại tuyến du lịch mà mình lựa chọn

56. Lễ tân khách sạn **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lễ tân khách sạn là một trong những học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị Khách sạn. Với đặc thù của ngành, để trở thành nhà quản trị khách sạn, những kiến thức, kỹ năng tác nghiệp của Lễ tân khách sạn là cần thiết và bắt buộc phải được trang bị cho người học. Do đó, học phần này có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành năng lực quản trị đối với những nhà quản trị tác nghiệp trong kinh doanh khách sạn.

Học phần giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận và có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế trong hoạt động phục vụ trực tiếp tại bộ phận lễ tân khách sạn. Qua đó học phần trang bị cho người học những kiến thức về quy trình nghiệp vụ, các kỹ năng, tiêu chuẩn phục vụ của lễ tân khách sạn; các hoạt động tổ chức và quản lý quá trình phục vụ của bộ phận lễ tân khách sạn.

57. Kỹ năng bán hàng trong du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng bán hàng trong du lịch là học phần bổ trợ tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về bán hàng trong du lịch như các hình thức bán hàng, quy trình bán hàng và hoạt động chào bán cũng như các kỹ năng bán hàng cơ bản trong du lịch như kỹ năng tiếp cận khách hàng, kỹ năng chào bán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng chăm sóc khách hàng và giải quyết xung đột với khách hàng.

58. Hành vi tiêu dùng trong du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Hành vi tiêu dùng trong du lịch là học phần bổ trợ tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hành vi tiêu dùng trong du lịch cũng như phân tích ảnh hưởng của các nhân tố văn hóa, xã hội và cá nhân tới hành vi khách hàng và các chiến lược Marketing của doanh nghiệp, từ đó nghiên cứu cách thức ra quyết định mua của khách du lịch.

59. Thực tập nghiệp vụ lữ hành **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch, Tổ chức và điều hành tour, Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập nghiệp vụ lữ hành Học phần Thực tập nghiệp vụ lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học trong chương trình đào tạo vào thực tiễn tại các doanh nghiệp du lịch và lữ hành dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giảng viên. Sinh viên được tìm hiểu về các nghiệp vụ chuyên ngành như: Nghiệp vụ hướng dẫn, Nghiệp vụ tổ chức và điều hành tour, Nghiệp vụ sale và marketing…từ đó hình thành các kỹ năng quản lý và các kỹ năng tác nghiệp trong hoạt động kinh doanh lữ hành.

60. Thực tập quản lý lữ hành **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (0,180,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch, Tổ chức và điều hành tour, Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần "Thực tập quản lý lữ hành" là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch

vụ du lịch và lữ hành. Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các kiến thức thực tiễn về doanh nghiệp lữ hành; thực hành quản trị nghiên cứu thị trường, xây dựng và tính giá chương trình du lịch; thực hành quản trị xúc tiến hỗn hợp và bán chương trình du lịch; thực hành quản trị tổ chức thực hiện chương trình du lịch; thực hành quản trị kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch.

61. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống di tích lịch sử — văn hóa, di tích nghệ thuật và danh lam thắng cảnh tiêu biểu trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm khái niệm, phân loại, đặc trưng giá trị lịch sử, nghệ thuật và cảnh quan của các di sản từ ba miền, cùng những vấn đề cơ bản về bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong hoạt động du lịch văn hóa

62. Thuyết minh du lịch Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thuyết minh du lịch cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động thuyết minh trong du lịch. Nội dung học phần tập trung vào vai trò của thuyết minh viên, yêu cầu nghề nghiệp của thuyết minh viên, phương pháp xây dựng bài thuyết minh, kỹ năng diễn đạt, giao tiếp, xử lý tình huống và thuyết minh tại điểm. Thông qua học phần, người học được rèn luyện kỹ năng trình bày, thuyết minh trước đám đông, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng đối tượng khách du lịch, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của du khách.

63. Thực tập lữ hành nâng cao- module 1 Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,180,0)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập lữ hành nâng cao-modul 1 (Tuyến điểm du lịch) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Modul 1- Hướng dẫn viên du lịch thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học trong chương trình đào tạo vào thực tiễn tại các doanh nghiệp du lịch và lữ hành dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giảng viên. Sinh viên được tìm hiểu về các nghiệp vụ chuyên ngành như: Phân tích nhu cầu thị trường, xác định đối tượng khách hàng mục tiêu, xây dựng ý tưởng và cấu trúc sản phẩm du lịch, thiết kế nội dung trải nghiệm và đề xuất phương án phát triển sản phẩm du lịch tại một tuyến điểm du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp và điểm đến du lịch.

64. Văn hóa du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3* (39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần được xây dựng dựa trên nền tảng lý luận của văn hóa học ứng dụng trong du lịch thuộc khối kiến chuyên ngành của 2 module: Module Hướng dẫn viên du lịch và Module Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch. Nội dung bao gồm hệ thống các khái niệm cơ bản, phân tích mối quan hệ biện chứng giữa du lịch và văn hóa, các thành tố của văn hóa du lịch (vật thể, phi vật thể), và đặc trưng các vùng văn hóa Việt Nam. Đặc biệt, học phần đi sâu vào văn hóa kinh doanh và văn hóa ứng xử trong hoạt động du lịch theo quan điểm hiện đại. Học phần cung cấp phông nền kiến thức lý luận để sinh viên giải quyết các vấn đề thực tiễn

65. Thực hành thuyết minh du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2(0,60,60)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hướng dẫn du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực hành Thuyết minh du lịch là học phần thực hành bắt buộc, trang bị cho sinh viên môi trường rèn luyện thực tế các kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu của nghề Hướng dẫn viên. Trên nền tảng kiến thức lý thuyết đã học, sinh viên sẽ trực tiếp thực hiện các bài thuyết minh tại điểm (di tích, văn hóa, bảo tàng, thiên nhiên) và trên phương tiện vận chuyển. Điểm đặc biệt của học phần là việc tích hợp quy trình chuẩn (SOP) của doanh nghiệp vào từng bài thực hành, yêu cầu sinh viên tuân thủ nghiêm ngặt các bước từ đón khách, thuyết minh đến chăm sóc khách hàng. Đồng thời, học phần rèn luyện cho sinh viên tư duy quản trị chất lượng thông qua việc thiết lập công cụ đo lường, thu thập và phân tích dữ liệu phản hồi sau mỗi bài thực hành để đề xuất giải pháp cải tiến sản phẩm

66. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập: 3(36,18,90)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành theo Modul 1: Hướng dẫn viên du lịch trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ; Hoạch định và kiểm soát chất lượng dịch vụ; Đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ; Hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng vào việc quản trị chất lượng dịch vụ trong một doanh nghiệp du lịch cụ thể.

67. Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2(0,60,60)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Xây dựng sản phẩm du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành Thiết kế sản phẩm du lịch là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của 2 module: module Hướng dẫn du lịch và module Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành. Học phần vận dụng những kiến thức đã học trong học phần Xây dựng sản phẩm du lịch. Đồng thời, tổ chức cho sinh viên thực hành những kỹ năng cơ bản và nâng cao trong quá trình hình thành, thiết kế và hoàn thiện sản phẩm du lịch theo hướng doanh nghiệp. Học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích nhu cầu thị trường, xác định đối tượng khách hàng mục tiêu, xây dựng ý tưởng và cấu trúc sản phẩm du lịch, thiết kế nội dung trải nghiệm và đề xuất phương án phát triển sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp và điểm đến du lịch

68. Dự án du lịch MICE **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Du lịch MICE là dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc 2 module: module Hướng dẫn du lịch và module Thiết kế và xây dựng sản phẩm du lịch. Học phần được thiết kế theo phương pháp dạy học thông qua dự án (PBL). Sinh viên vận dụng tích hợp tư duy STEM (Toán ứng dụng phân tích dữ liệu, Công nghệ phần mềm quản lý, Kỹ thuật xây dựng quy trình) để giải quyết một vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp lữ hành liên quan đến Du lịch Mice. Sản phẩm đầu ra là một báo cáo giải pháp kỹ thuật/quản trị có tính ứng dụng cao, giúp tối ưu hóa vận hành và kinh doanh

68. Dự án du lịch văn hóa **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Dự án Du lịch văn hóa là học phần thực hành chuyên sâu, mang tính chất tổng hợp, được thiết kế nhằm giúp sinh viên vận dụng các nền tảng lý luận từ học phần Du lịch văn hóa vào môi trường thực tiễn. Học phần được thiết kế thông qua phương pháp học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning), sinh viên sẽ tiến hành khảo sát, đánh giá tiềm năng và thực trạng khai thác của các tài nguyên du lịch văn hóa (hữu thể và vô thể) tại một điểm đến cụ thể. Từ các dữ liệu thu thập được, sinh viên sẽ trực tiếp xây dựng một dự án hoàn chỉnh bao gồm: thiết kế sản phẩm du lịch văn hóa (tour đặc thù, sự kiện lễ hội, không gian trải nghiệm), lập kế hoạch marketing, xây dựng quy trình vận hành, dự toán tài chính và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản theo định hướng phát triển bền vững.

69. Dự án du lịch sinh thái **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Du lịch Sinh thái là dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc 2 module: module Hướng dẫn du lịch và module Thiết kế và xây dựng sản phẩm du lịch. Học phần được thiết kế theo phương pháp dạy học thông qua dự án (PBL). Sinh viên vận dụng tích hợp tư duy STEM (Toán ứng dụng phân tích dữ liệu, Công nghệ phần mềm quản lý, Kỹ thuật xây dựng quy trình) để giải quyết một vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp lữ hành liên quan đến Du lịch Sinh thái. Sản phẩm đầu ra là một báo cáo giải pháp kỹ thuật/quản trị có tính ứng dụng cao, giúp tối ưu hóa vận hành và kinh doanh

70. Du lịch bền vững **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Du lịch bền vững là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền vững; và phát triển các loại hình du lịch bền vững. Sinh viên có thể tổng hợp được những kiến thức lý thuyết và thực tiễn chung về du lịch bền vững, doanh nghiệp du lịch và kinh doanh du lịch.

71. Xây dựng sản phẩm du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Xây dựng sản phẩm du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khái niệm, cấu trúc, vai trò và đặc điểm của sản phẩm du lịch. Người học được trang bị các nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện thực tiễn. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu và vận dụng các yếu tố cấu thành sản phẩm, chu kỳ sống sản phẩm, cũng như các phương thức phát triển và thiết kế chương trình du lịch. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên nhận diện cơ hội và thách thức trong hoạt động xây dựng sản phẩm du lịch hiện nay, từ đó nâng cao năng lực sáng tạo, phân tích và triển khai các mô hình sản phẩm du lịch đặc thù. Đây là nền tảng quan trọng hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển và quản lý sản phẩm du lịch trong môi trường kinh doanh du lịch hiện đại.

72. Thực tập cuối khóa - DLLH **Số TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập*: **5**(0,300,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp du lịch hoặc khách sạn để thực tập. Sinh viên tìm hiểu sâu về hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập, phát hiện vấn đề thực tiễn và viết báo cáo thực tập tổng hợp, cụ thể những nội dung: xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, sản phẩm dịch vụ du lịch, quy mô kinh doanh); mô tả cơ cấu tổ chức và đặc điểm của doanh nghiệp; đánh giá chung tình hình kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay; mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng tài chính, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác quản trị tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập)

75. Khóa luận tốt nghiệp **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập*: ***9(0,540,0)***

- *Học phần tiên quyết*: Đủ điều kiện theo quy chế đào tạo.

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã

lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

76. Quản trị dịch vụ **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị dịch vụ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh dịch vụ, thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

77. Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế - xã hội: **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập: 2* (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần “Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế - xã hội” là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần "Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội" được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế-xã hội áp dụng cho chương trình đào tạo bậc đại học. Nội dung học phần được sắp xếp theo quy trình trình nghiên cứu được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế-xã hội: từ xác định vấn đề, tổng quan và thiết kế nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện các nghiên cứu khoa học trong kinh tế-xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệpcủa Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- thi học kỳ, dự trữ:

- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

▪ Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

▪ Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long